

TÌNH HÌNH KHÔ HẠN XẢY RA TRONG 6 THÁNG ĐẦU NĂM VÀ BƯỚC ĐẦU NHẬN ĐỊNH TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN 6 THÁNG CUỐI NĂM 2005 Ở TỈNH NINH THUẬN

KS. Nguyễn Hồng Trường

Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn tỉnh Ninh Thuận

Tình hình cạn kiệt nguồn nước trên các sông, suối và hồ chứa nước ở tỉnh Ninh Thuận đã diễn ra gay gắt, gây ra sự thiếu hụt nguồn nước rất nghiêm trọng. Trong bài báo này, tác giả trình bày những nguyên nhân gây ra tình trạng khô hạn trong 6 tháng đầu năm và nhận định tình hình khí tượng thủy văn 6 tháng cuối năm 2005 ở tỉnh Ninh Thuận để bạn đọc tham khảo.

1. Những diễn biến bất thường của mùa mưa năm 2004

Tình hình thời tiết tại tỉnh Ninh Thuận trong mùa mưa năm 2004 nhìn chung tương đối phù hợp với quy luật nhiều năm, song diễn biến trong các thời kỳ khá phức tạp và bất thường.

** Về nhiệt độ*

Nền nhiệt độ trong các tháng mùa mưa đạt cao hơn so với trung bình nhiều năm (TBNN) từ 0,4 đến 0,7⁰C; mưa ít, nhiệt độ cao, độ ẩm thấp đã làm cho nước bốc hơi nhanh gây khô hạn trong nhiều tháng liên tục.

** Về mưa*

+ Mùa mưa kết thúc sớm hơn 1 tháng so với quy luật chung ở nơi đây (mùa mưa chấm dứt từ cuối tháng XI đầu tháng XII).

+ Lượng mưa phân bố không đều theo không gian và thời gian, đặc biệt xuất hiện những đợt mưa lớn, nhưng diện mưa rất hẹp. Một điểm dị thường rõ nét trong mùa mưa là những tháng có lượng mưa lớn nhất trong năm chỉ đạt 60% đến 70% so với TBNN, cá biệt tại Phan Rang chỉ bằng 37% so với lượng mưa TBNN, tại Trạm Tân Mỹ chỉ bằng 22% lượng mưa TBNN.

Tổng lượng mưa vùng đồng bằng phổ biến ở mức thấp so với TBNN. Tại Trạm Phan Rang lượng mưa đạt 222,5mm. Vùng núi, lượng mưa tại Trạm Tân Mỹ đạt 146,9mm, thấp hơn TBNN 514mm.

Tổng lượng mưa của cả mùa mưa ở các nơi phân bố không đều, vùng đồng bằng và ven biển phổ biến từ 150mm đến 200mm. Vùng núi mưa phổ biến từ 200mm đến 250mm; riêng Trạm Tân Mỹ mưa 146,9mm. Số ngày mưa trong mùa mưa năm 2004 phổ biến từ 16 đến 25 ngày mưa.

** Tổng lượng mưa năm*

Vùng đồng bằng đạt từ 500mm đến 650mm, thấp hơn TBNN từ 250mm đến 350mm, vùng núi đạt từ 750mm - 850mm, thấp hơn TBNN từ 350mm đến 450mm. Trạm Tân Mỹ thuộc khu vực huyện Ninh Sơn có lượng mưa ngày lớn nhất 94,1mm, xảy ra vào ngày 31/VII/2004.

Tổng số ngày mưa trong năm từ 40 đến 60 ngày, số ngày không mưa kéo dài gây ra một đợt hạn làm thiệt hại cho sản xuất nông nghiệp và các cây ngắn ngày.

Theo thống kê của Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn của tỉnh Ninh Thuận tính đến tháng V năm 2005, thiệt hại hàng trăm tỷ đồng.

Tình hình thủy văn

Trên tất cả các sông lớn và sông nhỏ, mực nước trung bình trong các tháng mùa mưa đạt mức thấp hơn TBNN phổ biến từ 0,3m đến 0,5m. Tại Trạm Tân Mỹ trên sông Cái Phan Rang ở mức thấp đạt 0,45m.

Nhìn chung, trên địa bàn toàn tỉnh Ninh Thuận đến cuối tháng XI, đầu tháng XII/2004 hầu hết các nơi đều không mưa. Mùa lũ kết thúc sớm, đây là những nguyên nhân làm cho lượng nước trữ trên lưu vực, trong sông, trong đất và trong các hồ chứa nước vào cuối mùa lũ, đầu mùa cạn ở mức rất thấp.

Thời gian từ cuối tháng XI năm 2004 đến hết tháng IV năm 2005, tổng lượng mưa các tháng trên tất cả các lưu vực sông, suối đều nhỏ hơn so với TBNN, nhiều nơi trong cả mấy tháng liên tục không mưa hoặc có mưa, nhưng lượng mưa không đáng kể.

Bảng 1. Lượng mưa các tháng mùa mưa tại tỉnh Ninh Thuận năm 2004

$R_{\text{Tháng}}$ Vùng	$R_{(IX)}$ (mm)	So với TBNN	$R_{(X)}$ (mm)	So với TBNN	$R_{(XI)}$ (mm)	So với TBNN	$R_{(XII)}$ (mm)	So với TBNN
Phan Rang	75,9	-70,5	103,6	-57,9	34,9	-121,7	8,1	-91,5
Tân Mỹ	68,2	-7,4	63,7	-12,5	4,6	-47,7	10,4	-14,0
Phước Hà	142,5	-116,4	71,2	-198,0	4,8	-195,3	4,6	-95,9
Phước Hữu	60,0	-68,7	74,1	-110,6	25,5	-167,5	5,7	-76,4
Quán Thê	28,8	-21,2	97,6	+47,4	13,6	-32,7	4,6	-20,3
Quảng Ninh	122,2	-136,7	67,2	-202,0	21,0	-179,1	2,6	-97,9

2. Diễn biến tình hình thiếu hụt nước

Do thiếu hụt nguồn nước trên sông suối và lượng nước đến các hồ chứa trong tỉnh mà tình hình khô hạn càng trở nên gay gắt làm cho sản xuất và đời sống của nhân dân trong tỉnh gặp rất nhiều khó khăn, cụ thể như sau:

Từ cuối tháng XI/ 2004 đến tháng V/2005, toàn bộ dòng chảy trên các sông, suối và các hồ: hồ Ông Kinh, hồ Suối Lớn, hồ Số 8, CK7,... ở Ninh Thuận đã cạn kiệt và ở mực nước chết. Riêng hồ Tân Giang còn khoảng trên 3.000.000m³ và không còn nguồn nước để bổ sung cho hồ. Nguồn nước phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận hoàn toàn dựa vào nguồn nước từ hồ Đơn Dương, nhưng lượng nước chứa trong hồ Đơn Dương chỉ còn khoảng 54 triệu mét khối nước. Hệ thống thủy điện Đa Nhim xả nước với lưu lượng từ 3 đến 7m³/s, nên chưa đáp ứng đủ nhu cầu cung cấp nước cho sản xuất, sinh hoạt và nước uống cho gia súc trên địa bàn toàn tỉnh. Do mực nước trên các sông xuống thấp, lưu lượng nhỏ, nên vùng cửa sông ven biển Ninh Thuận, hiện tượng nước mặn xâm nhập sâu vào trong nội địa, ảnh hưởng lớn đến việc lấy nước sản xuất và nước sinh hoạt cho người và gia súc.

Nhìn chung, mực nước trên sông và dòng chảy ở các hồ đều giảm nhanh, lượng dòng chảy trung bình trên các sông ở Ninh Thuận ở mức thiếu hụt so với TBNN từ 70% - 80% [1], tình hình khô hạn, thiếu nước gay gắt đã xảy ra trên diện

rộng. Do tình hình thiếu hụt lượng mưa và lượng dòng chảy trong nhiều tháng liên tục đã làm cho cả tỉnh Ninh Thuận ở trong tình trạng khô hạn nghiêm trọng, ảnh hưởng lớn đến sản xuất nông nghiệp và các ngành kinh tế khác trong tỉnh.

Bảng 2. Số liệu mưa các tháng mùa khô tại tỉnh Ninh Thuận năm 2005

$R_{\text{Tháng}}$ Vùng	$R_{(I)}$ (mm)	So với TBNN	$R_{(II)}$ (mm)	So với TBNN	$R_{(III)}$ (mm)	So với TB NN	$R_{(IV)}$ (mm)	So với TB NN	$R_{(V)}$ (mm)	So với TB NN
Phan Rang	-	-2,1	-	-1,3	-	-7,7	-	-22,2	16,8	-54,8
Tân Mỹ	-	-1,1	-	-0,4	7,9	+1,5	-	-11,7	62,1	+24,9
Phước Hà	-	x	-	x	17,2	x	0,8	x	12,1	x
Phước Hữu	-	x	-	x	5,6	x	-	x	-	x
Quán Thê	-	-0,3	-	-0,1	9,0	+5,3	-	4,1	-	-25,4
Quảng Ninh	-	x	-	x	8,4	x	-	x	79,9	x

Ghi chú : Dấu (x) là những trạm mới thành lập chưa có số liệu TBNN

3. Thiệt hại do hạn hán

Theo báo cáo của UBND tỉnh Ninh Thuận cho biết:

- Về chăn nuôi: do thiếu nước, thiếu thức ăn nên đàn gia súc có sừng giảm trọng lượng và chết nhiều.

- Đối với rừng mới trồng 1.150ha, theo kết quả kiểm tra có khoảng 550ha có nguy cơ bị chết hoàn toàn.

- Về công tác quản lý bảo vệ rừng: do tình hình khô hạn xảy ra gay gắt nên cháy rừng xảy ra nhiều hơn so với cùng thời kỳ năm 2003 - 2004 (tính đến ngày 15/V2005 đã xảy ra trên 60 vụ).

4. Nhận xét

Từ những kết quả thống kê trên có thể đưa ra những nhận xét sau:

+ Sự phân bố mùa mưa ở Ninh Thuận không đều theo không gian và thời gian, dẫn đến sự thiếu hụt về lượng mưa quá nhiều làm cho mực nước các sông, suối ở đây thấp hơn TBNN.

+ Thời gian kết thúc mùa mưa sớm.

+ Trong thời kỳ khô hạn, mực nước trên các sông suối, hồ đập thấp hơn nhiều so với TBNN. Tỉnh Ninh Thuận chỉ còn trông chờ vào nguồn nước ít ỏi từ hồ Đơn Dương (tỉnh Lâm Đồng).

5. Nhận định tình hình khí tượng thủy văn từ tháng VI đến tháng XII

a. Khí tượng

1) Bão và ATNĐ

Thời kỳ từ tháng VI đến hết tháng VIII khả năng số cơn bão và ATNĐ ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp đến thời tiết tỉnh Ninh Thuận khoảng từ 1 đến 2 cơn. Trong mùa mưa, bão, lũ từ tháng IX đến hết tháng XII có khoảng từ 2 đến 3 cơn ATNĐ hoặc bão ảnh hưởng trực tiếp đến thời tiết tỉnh Ninh Thuận. Trong năm 2005 có khoảng 3 -5 cơn bão và áp thấp nhiệt đới ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến tỉnh Ninh Thuận.

2) Mưa

* Thời kỳ từ tháng VI đến tháng VIII, lượng mưa của khu vực Ninh Thuận ở mức xấp xỉ đến thấp hơn TBNN. Lượng mưa tập trung vào đầu tháng VI và cuối tháng VIII. Các thời kỳ khác, lượng mưa không lớn.

* Thời kỳ từ tháng IX đến tháng XII, lượng mưa của khu vực Ninh Thuận ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn TBNN cùng thời kỳ. Lượng mưa tập trung từ trung tuần tháng IX đến đầu tháng XII.

3) Nhiệt độ

Thời kỳ từ tháng VI đến hết tháng VIII: nền nhiệt độ phạm vi toàn khu vực tỉnh Ninh Thuận ở mức cao hơn TBNN. Trong thời kỳ tháng VII và tháng VIII, xảy ra một vài đợt gió tây khô nóng gay gắt, nhưng không kéo dài. Thời kỳ từ đầu tháng IX đến hết tháng XII nền nhiệt độ toàn khu vực ở mức xấp xỉ TBNN.

b. Thủy văn

1) Đỉnh lũ cao nhất trong năm

Đỉnh lũ cao nhất năm xảy ra ở mức xấp xỉ TBNN. Trên sông cái Phan Rang khả năng xấp xỉ hoặc cao hơn mức BĐIII, trên sông Lu ở mức BĐII - BĐIII.

2) Số trận lũ

Số trận lũ xảy ra trong năm 2005: từ 2 đến 3 trận, trong đó số trận lũ chỉ ở mức BĐII - BĐIII từ 1 đến 2 trận.

3) Thời gian xuất hiện đỉnh lũ trong năm

Đỉnh lũ cao nhất năm xuất hiện vào tháng X hoặc tháng XI.

6. Một số kiến nghị

- Do đặc thù các sông của tỉnh Ninh Thuận, tổng lượng nước thấp lại tập trung chủ yếu vào một số trận lũ, thời gian cạn kiệt thường kéo dài. Vì vậy, tỉnh Ninh Thuận cần nghiên cứu xây dựng các hồ chứa nước ở thượng lưu để dự trữ nước cho mùa khô, nâng cao mực nước ngầm, cải tạo điều kiện khí hậu nắng nóng trong tỉnh Ninh Thuận.

- Ninh Thuận là một tỉnh khô hạn nhất khu vực duyên hải miền Trung, lượng mưa nhỏ, tiềm năng bốc thoát hơi lớn. Vì vậy, tỉnh cần xây dựng hướng chuyển đổi cơ cấu cây trồng. Tại những nơi cho phép, nên chuyển đổi từ trồng lúa sang trồng cây lâu năm, cây công nghiệp có nhu cầu về nước ít.

- Nguồn nước ngầm là tài nguyên quý giá của tỉnh Ninh Thuận. Song việc khai thác nước ngầm để chống hạn cần hết sức thận trọng, tránh việc khai thác bừa bãi không theo quy hoạch sẽ dẫn đến sự ô nhiễm nguồn nước ngầm, phá vỡ cân bằng nước và xâm nhập mặn là không thể tránh khỏi.

Tài liệu tham khảo

1. Báo cáo số 235/BC-SNN & PTNT, ngày 4 tháng 5 năm 2005 của tỉnh Ninh Thuận.